

Số: /2020/TT-BYT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

THÔNG TƯ**Quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của trạm y tế tuyến xã**

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, các điều kiện bảo đảm hoạt động và nhân lực của y tế xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của trạm y tế tuyến xã.

Điều 1. Danh mục trang thiết bị tối thiểu của trạm y tế tuyến xã

1. Danh mục trang thiết bị y tế và số lượng tối thiểu của trạm y tế tuyến xã bao gồm:

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU		
			VÙNG 3	VÙNG 2	VÙNG 1
I	Khám, chữa bệnh				
1.	Máy đo đường huyết cá nhân	Cái	02	02	02
2.	Huyết áp kế	Bộ	02	02	02
3.	Ống nghe	Bộ	02	02	02
4.	Đèn khám bệnh	Cái	01	01	01
5.	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	Cái	01	01	01
6.	Bộ khám ngũ quan	Bộ	01	01	01
7.	Đèn khám treo trần (đèn clar)	Cái	01	01	01
8.	Bộ thử thị lực mắt + bảng thử thị lực	Bộ	01	01	01
II	Sơ cứu, cấp cứu				
1.	Máy khí dung	Cái	01	01	01

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU		
			VÙNG 3	VÙNG 2	VÙNG 1
2.	Bình ô xy + Bộ làm ẩm có đồng hồ + Mask thở ô xy	Bộ	01	01	01
3.	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	Cái	02	02	02
4.	Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	Cái	02	02	02
5.	Bộ nẹp chân	Bộ	02	02	02
6.	Bộ nẹp tay	Bộ	02	02	02
7.	Bộ nẹp cổ	Bộ	02	02	02
8.	Cáng tay	Cái	01	01	01
III	Tiêm, tiêm thủ thuật và tiêm chủng mở rộng				
1.	Xe tiêm	Cái	01	01	01
2.	Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ	Cái	01	01	01
3.	Bàn tiểu phẫu	Cái	01	01	01
4.	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	01	01	01
5.	Giá treo dịch truyền	Cái	02	02	02
6.	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	01	01	01
7.	Bộ mở khí quản cho người lớn	Bộ	01	01	01
8.	Bộ mở khí quản cho trẻ em	Bộ	01	01	01
9.	Kẹp lấy dị vật cho người lớn	Bộ	01	01	01
10.	Kẹp lấy dị vật cho trẻ em	Bộ	01	01	01
11.	Bộ dụng cụ nhổ răng sữa	Bộ	01	01	01
IV	Y dược cổ truyền				
1.	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái	01	01	
2.	Máy điện châm	Cái	02	02	
3.	Đèn hồng ngoại điều trị	Cái	01	01	
V	Sản, kế hoạch hóa gia đình				
1.	Máy Doppler tim thai	Cái	01		
2.	Bàn đẻ và làm thủ thuật	Bộ	01		

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU		
			VÙNG 3	VÙNG 2	VÙNG 1
3.	Bàn khám sản khoa	Bộ	01	01	01
4.	Bàn để dụng cụ	Cái	01	01	01
5.	Bàn chăm sóc trẻ sơ sinh	Cái	01		
6.	Bộ dụng cụ khám thai	Bộ	01	01	01
7.	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	01		
8.	Bộ hồi sức trẻ sơ sinh	Bộ	01		
9.	Bộ dụng cụ cắt khâu tầng sinh môn	Bộ	01		
10.	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai	Bộ	01		
11.	Đèn khám đặt sàn (đèn gù)	Bộ	01		
12.	Cân trẻ sơ sinh	Cái	02	02	01
VI	Xét nghiệm				
1.	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Cái	01	01	01
2.	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	Cái	01	01	01
VII	Tiệt trùng				
1.	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01	01	01
2.	Tủ sấy	Cái	01	01	01
VIII	Khu vực lưu người bệnh				
1.	Giường bệnh	Cái	02	02	02
IX.	Khám phụ khoa				
1.	Bàn khám phụ khoa	Cái	01	01	
2.	Bộ dụng cụ khám phụ khoa	Bộ	01	01	
3.	Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	Bộ	01	01	

2. Danh mục thiết bị khác và số lượng tối thiểu của trạm y tế tuyến xã bao gồm:

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU		
			VÙNG 3	VÙNG 2	VÙNG 1
1.	Bàn khám bệnh	Cái	01	01	01
2.	Tủ đầu giường bệnh	Cái	02	02	02

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU		
			VÙNG 3	VÙNG 2	VÙNG 1
3.	Tủ đựng thuốc cổ truyền	Bộ	01	01	
4.	Giá, kệ đựng dược liệu	Bộ	01	01	
5.	Bàn chia thuốc theo thang	Bộ	01	01	
6.	Dụng cụ sơ chế thuốc đông y	Bộ	01	01	
7.	Cân thuốc	Cái	01	01	
8.	Máy sắc thuốc	Cái	01	01	
9.	Tủ bảo quản thuốc	Bộ	01	01	01
10.	Bảng thông tin, truyền thông	Cái	01	01	01
11.	Tủ đựng tài liệu truyền thông	Bộ	01	01	01
12.	Tivi	Cái	01	01	01
13.	Loa, bộ âm thanh	Bộ	01	01	01
14.	Giường	Cái	01	01	01
15.	Máy vi tính*	Bộ			
16.	Máy in*	Bộ			
17.	Bộ bàn, ghế văn phòng*	Cái			
18.	Tủ đựng đồ cá nhân*	Cái			

* Máy móc, thiết bị văn phòng thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc xác định trạm y tế thuộc vùng 1 hoặc vùng 2 hoặc vùng 3 căn cứ vào quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về y tế cơ sở do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2021.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Người đứng đầu trạm y tế xã căn cứ vào danh mục trang thiết bị quy định tại Điều 1 Thông tư này và nhu cầu thực tế về chuyên môn để xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục trang thiết bị cụ thể.

2. Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp đôn đốc thực hiện và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm thực hiện đúng quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 4. Lộ trình thực hiện

Trạm Y tế xã phải có đủ trang thiết bị tối thiểu theo quy định tại Điều 1 Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT CP);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, TBCT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên